**Mẫu số 3***(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-BKHĐT ngày 17/10/2018)  
(Áp dụng cho tất cả hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài quy định tại Điều 61 Luật Đầu tư số 67/2014/QH13)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

**BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI**

**Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư**

(Các) Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh Giấy phép đầu tư/ Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài/ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài số: ... do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày ... tháng... năm ... với nội dung như sau:

**I. NHÀ ĐẦU TƯ**

**1. Tên và thông tin của nhà đầu tư Việt Nam thứ nhất: …**

**2. Tên và thông tin về nhà đầu tư Việt Nam tiếp theo *(nếu có):* ...**

*[**cách ghi xem hướng dẫn tại Điều 3 Thông tư này]*

**II. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH**

**(Các) Nhà đầu tư đăng ký điều chỉnh các nội dung sau:**

**1. Nội dung điều chỉnh 1:**

**- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài/ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài số ... ngày... tháng ... năm ...: ...**

**- Nay đề nghị sửa thành: ...**

**- Lý do điều chỉnh: ...**

**- Tài liệu chứng minh đính kèm (nếu có): ...**

**- Giải trình về việc tăng vốn đầu tư ra nước ngoài** *(đối với trường hợp điều chỉnh tăng vốn đầu tư ra nước ngoài):*

*(i) Hình thức của phần vốn tăng thêm:*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *Hình thức vốn* | *Tên nhà đầu tư VN 1 (ngoại tệ)* | *Tên nhà đầu tư VN 2 (ngoại tệ)* | *Tổng số (ngoại tệ)* | *Tỉ giá* | *Tương đương Đồng VN (VNĐ)* |
|  | *(1)* | *(2)* | *(3)=(1)+(2)+…* | *(4)* | *(5)=(3) x (4)* |
| *1. Tiền mặt* |  |  |  |  |  |
| *2. Máy móc, thiết bị, hàng hóa* |  |  |  |  |  |
| *3. Tài sản khác [ghi rõ]* |  |  |  |  |  |
| *Tổng cộng (1+2+3)* |  |  |  |  |  |

*(ii). Nguồn vốn:*

*[Từng nhà đầu tư Việt Nam giải trình về nguồn của phần vốn đầu tư ra nước ngoài tăng thêm như sau]*

*(Tên nhà đầu tư) sử dụng nguồn vốn như sau:*

*- Vốn chủ sở hữu: ...*

*- Vốn vay: ...*

*Dự kiến nguồn vay: Vay của tổ chức tín dụng (trong và ngoài nước)...., giá trị, thời hạn, lãi suất.*

*[đối với dự án sử dụng vốn nhà nước để đầu tư ra nước ngoài: Nêu sự phù hợp với quy định về quản lý và sử dụng vốn nhà nước]*

*(Tên nhà đầu tư) cam kết về tính hợp pháp của nguồn vốn đầu tư ra nước ngoài và cam kết tự chịu trách nhiệm về hiệu quả của dự án.*

*(iii) Nhu cầu sử dụng phần vốn tăng thêm:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *Vốn đầu tư* | *Đồng tiền thực hiện dự án* | *Tương đương Đồng Việt Nam* |
| *- Vốn cố định*  *Trong đó (ghi các hạng mục dự kiến sử dụng vốn thực tế của dự án):* |  |  |
| *+ (Ví dụ) Xây dựng công trình nhà xưởng, kho bãi* |  |  |
| *+ (Ví dụ) Máy móc, thiết bị* |  |  |
| *+ (Ví dụ) Trang thiết bị văn phòng* |  |  |
| *+ (Ví dụ) Các tài sản cố định khác* |  |  |
| *- Vốn lưu động* |  |  |
| *Tổng cộng* |  |  |

*(iv) Tiến độ chuyển phần vốn đầu tư ra nước ngoài tăng thêm dự kiến kể từ ngày hoàn thành đăng ký điều chỉnh giao dịch ngoại hối với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: [Từng nhà đầu tư Việt Nam dự kiến thời gian chuyển vốn]*

**2. Nội dung điều chỉnh 2 (nếu có):** **...** *(ghi tương tự nội dung điều chỉnh 1)*

**III. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, tính chính xác của nội dung hồ sơ và hiệu quả đầu tư của dự án.

2. Chịu trách nhiệm về thẩm quyền, hình thức, giá trị pháp lý của quyết định điều chỉnh dự án đầu tư ra nước ngoài nộp trong hồ sơ;

3. Chấp hành các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, pháp luật Việt Nam và pháp luật của ... *(tên nước, vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư).*

**IV. HỒ SƠ KÈM THEO**

Các văn bản (theo quy định tại Điều 61 Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 và các Điều 11 hoặc Điều 16 Nghị định số 83/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định về đầu tư ra nước ngoài);

|  |  |
| --- | --- |
|  | Làm tại ...., ngày ... tháng ... năm ... **Nhà đầu tư** Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có) |

**Mẫu số 4***(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-BKHĐT ngày 17/10/2018)  
(Áp dụng cho tất cả hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài quy định tại Khoản 4, 5 Điều 61 Luật Đầu tư số 67/2014/QH13)*

**GIẢI TRÌNH ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI**

(Các) Nhà đầu tư giải trình về đề xuất điều chỉnh dự án đầu tư ra nước ngoài: ... *(tên dự án)* đã được cấp Giấy phép đầu tư/ Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài/ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài số: ……, ngày ... tháng ... năm ... như sau:

**I. NHÀ ĐẦU TƯ**

**1. Tên và thông tin của nhà đầu tư Việt Nam thứ nhất:...**

**2. Tên và thông tin về nhà đầu tư Việt Nam tiếp theo (*nếu có*): ...**

*[chỉ cần ghi tên, không cần ghi các thông tin khác]*

**Đối tác nước ngoài (*nếu có*): ...**

*[như ghi tại Bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài]*

**II. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH**

**1. Nội dung điều chỉnh 1:** *(VD: điều chỉnh thay đổi địa chỉ trụ sở...)*

**Nội dung mới sau khi điều chỉnh: ...**

**2. Nội dung điều chỉnh 2 (nếu có):** **...** *(ghi tương tự nội dung điều chỉnh 1)*

**III. ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT PHẢI ĐIỀU CHỈNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI**

Đánh giá sự cần thiết phải điều chỉnh hoạt động đầu tư ra nước ngoài: ...

Các giải pháp về cung cấp nguyên, nhiên, vật liệu đáp ứng nhu cầu hoạt động đầu tư ra nước ngoài; trong đó việc cung cấp từ Việt Nam (nếu có): ...

Quy trình công nghệ chủ yếu và phương án mua sắm máy móc thiết bị: ...

Dự kiến hiệu quả kinh tế và thực hiện nghĩa vụ tài chính sau khi điều chỉnh dự án:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Chỉ tiêu  *Đơn vị: đồng ngoại tệ dùng để đầu tư* | Năm thứ 1 sau điều chỉnh: *(theo năm tài chính)* | **Năm thứ 2 sau điều chỉnh** | … | Tổng |
| 1=2+3+… | Doanh thu | $ | $ |  | $ |
| 2 | *Từ hoạt động/SP...* | $ | $ |  | $ |
| 3 | *Từ hoạt động/SP...* | $ | $ |  | $ |
| … | *…* |  |  |  |  |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế: | $ | $ |  | $ |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế: | $ | $ |  | $ |
| 6=7+8+9 | Lợi nhuận được chia của nhà đầu tư Việt Nam  Trong đó: | $ | $ |  | $ |
| 7 | *+ Sử dụng đầu tư ở nước ngoài*  *Ghi rõ phần lợi nhuận giữ lại đầu tư ở nước ngoài đã làm thủ tục điều chỉnh GCNĐK ĐTRNN* | $ | $ |  | $ |
| 8 | *+ Chuyển về Việt Nam* | $ | $ |  | $ |
| 9 | + *Thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước Việt Nam (VNĐ)* | $ | $ |  | $ |

Đánh giá chung về hiệu quả kinh tế, dự kiến khả năng và thời gian thu hồi vốn đầu tư: …

**IV. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:**

Chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác của nội dung hồ sơ và hiệu quả đầu tư của dự án.

|  |  |
| --- | --- |
|  | Làm tại ...., ngày ... tháng ... năm ... **Nhà đầu tư** Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có) |

**Mẫu số 5***(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-BKHĐT ngày 17/10/2018)  
(Văn bản cam kết tự thu xếp ngoại tệ theo quy định tại Khoản 3 Điều 58 Luật Đầu tư số 67/2014/QH13)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

**VĂN BẢN CAM KẾT TỰ THU XẾP NGOẠI TỆ**

Nhà đầu tư... *(ghi rõ tên nhà đầu tư)* cam kết tự thu xếp ngoại tệ để thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài với các nội dung như sau:

Tên dự án/Tên tổ chức kinh tế ở nước ngoài: ...

Địa chỉ trụ sở: ...

Địa điểm thực hiện dự án: ...

Mục tiêu dự án: ...

Vốn đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư: ... (*bằng số và bằng chữ*) đồng tiền thực hiện dự án đầu tư.

Nhà đầu tư... (*ghi rõ tên nhà đầu tư*) có ngoại tệ trên tài khoản tại Ngân hàng... *(ghi rõ tên, tổ chức tín dụng được phép)* với số dư tính đến ngày... tháng... năm... là... *(bằng số và bằng chữ)* đồng tiền thực hiện dự án đầu tư.

*(Gửi kèm theo văn bản của tổ chức tín dụng xác nhận số dư tài khoản ngoại tệ của nhà đầu tư)*

Nhà đầu tư *(ghi rõ tên nhà đầu tư)* cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung kê khai.

|  |  |
| --- | --- |
|  | Làm tại ...., ngày ... tháng ... năm ... **Nhà đầu tư** Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có) |

**Mẫu số 6***(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-BKHĐT ngày 17/10/2018)  
(Văn bản cam kết tự thu xếp ngoại tệ theo quy định tại Khoản 3 Điều 58 Luật Đầu tư số 67/2014/QH13)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

**VĂN BẢN CAM KẾT THU XẾP NGOẠI TỆ CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG**

Theo đề nghị của nhà đầu tư ... *(ghi rõ tên nhà đầu tư)* tại văn bản số... ngày... tháng... năm..., tổ chức tín dụng ... *(ghi rõ tên tổ chức tín dụng được phép)* cam kết bán cho nhà đầu tư *(trường hợp bán ngoại tệ)* và/hoặc cam kết cho nhà đầu tư ... *(ghi rõ tên nhà đầu tư)* vay *(trường hợp cho vay ngoại tệ)* số lượng ngoại tệ... *(ghi rõ bằng số và bằng chữ)* đô la Mỹ *(hoặc ngoại tệ khác)* để thực hiện dự án *...(ghi rõ tên dự án, tên tổ chức kinh tế ở nước ngoài)* tại ... *(ghi tên quốc gia, vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư)* trong trường hợp nhà đầu tư ... *(ghi rõ tên nhà đầu tư)* đáp ứng các điều kiện mua hoặc vay ngoại tệ theo quy định của pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
|  | Làm tại ...., ngày ... tháng ... năm ... Đại diện có thẩm quyền của tổ chức tín dụng được phép (ghi rõ họ tên và chức danh, ký, đóng dấu,) |

**Mẫu số 10***(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-BKHĐT ngày 17/10/2018)  
(Báo cáo tình hình hoạt động dự án đầu tư theo quý theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 72 Luật Đầu tư số 67/2014/QH13)*

Tên nhà đầu tư: ...;

Mã số thuế của nhà đầu tư: ...;

Địa chỉ: ...; Tel: ...; Fax: ...;

Số điện thoại liên hệ/Email của người làm báo cáo: ...

|  |  |
| --- | --- |
| **Kính gửi:** | - Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam; - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; - *(Cơ quan đại diện Việt Nam tại nước tiếp nhận đầu tư, nếu có)* |

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ HÀNG QUÝ (Quý.../Năm ...)****TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ TẠI NƯỚC NGOÀI**  
(Báo cáo trước ngày 05 của tháng tiếp sau quý báo cáo)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự dự án** | **Tên nhà đầu tư**  *(nếu các nhà đầu tư trong cùng một dự án báo cáo chung)* | **Số Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài** | **Vốn đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư Việt Nam (ngoại tệ)\*** | **Số vốn đã chuyển ra nước ngoài trong Quý báo cáo (ngoại tệ)\*** | **Dự kiến số vốn chuyển ra nước ngoài Quý tới**  **(ngoại tệ)\*** | **Tiến độ thực hiện dự án theo so với Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài** | | | |
| Đúng tiến độ | Chậm tiến độ (1) | Dự án đang gặp khó khăn, vướng mắc (2) | Dự án không có khả năng triển khai (3) |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng** |  |  |  |  |  |  |  |  |

*(1), (2), (3) Trường hợp dự án chậm tiến độ, đang gặp khó khăn, vướng mắc hoặc không có khả năng triển khai thì tích dấu √ vào ô tương ứng và có giải trình lý do, đề xuất phương án xử lý: ………………..*

|  |  |
| --- | --- |
|  | Làm tại ...., ngày ... tháng ... năm ... **Nhà đầu tư** (ghi rõ họ tên, chức danh, ký, đóng dấu) |

**Mẫu số 11***(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-BKHĐT ngày 17/10/2018)  
(Báo cáo tình hình hoạt động dự án đầu tư theo quý theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 72 Luật Đầu tư số 67/2014/QH13)*

Tên nhà đầu tư: ...;

Mã số thuế của nhà đầu tư: ...;

Địa chỉ: ...; Tel: ...; Fax: ...;

Số điện thoại liên hệ/Email của người làm báo cáo: ...

|  |  |
| --- | --- |
| **Kính gửi:** | - Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam; - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; - *(Cơ quan đại diện Việt Nam tại nước tiếp nhận đầu tư, nếu có)* |

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ NĂM …****TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ TẠI NƯỚC NGOÀI**  
(Báo cáo trước ngày 15 tháng 01 của năm sau năm báo cáo)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự dự án** | **Tên nhà đầu tư** *(Nếu các nhà đầu tư trong cùng một dự án báo cáo chung)* | **Số Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư** | **Tài khoản vốn đầu tư ra nước ngoài** (số tài khoản, tên tổ chức tín dụng được phép) | **Vốn đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư Việt Nam** (USD)\* | **Tình hình hoạt động (USD; lao động)** | | | | | | **Kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm tới (USD)** | | | **Tiến độ thực hiện dự án so với Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài** | | | |
| Vốn đã chuyển ra nước ngoài trong năm báo cáo | Tổng vốn đã chuyển ra nước ngoài lũy kế đến năm báo cáo | Tổng số lao động Việt Nam đưa ra nước ngoài lũy kế đến năm báo cáo | Lợi nhuận đã chuyển về nước lũy kế đến năm báo cáo | Lợi nhuận giữ lại để tái đầu tư lũy kế đến năm báo cáo | Nghĩa vụ tài chính với Nhà nước lũy kế đến năm báo cáo | Dự kiến số vốn chuyển ra nước ngoài năm tới (USD)\* | Dự kiến lợi nhuận thu được năm tới | Dự kiến Nghĩa vụ tài chính với Nhà nước Việt Nam năm tới | Đúng tiến độ | Chậm tiến độ [1] | Dự án đang gặp khó khăn, vướng mắc [2] | Dự án không có khả năng triển khai [3] |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

(1), (2), (3) Trường hợp dự án đang gặp khó khăn vướng mắc hoặc không có khả năng triển khai thì tích dấu √ vào ô tương ứng và giải trình lý do, đề xuất phương án xử lý.\* Quy đổi ra đồng USD theo tỷ giá thời điểm báo cáo (trường hợp số vốn đầu tư ra nước ngoài không phải là đồng USD).

|  |  |
| --- | --- |
|  | Làm tại ...., ngày ... tháng ... năm ... **Nhà đầu tư** (ghi rõ họ tên, chức danh, ký, đóng dấu) |

**Mẫu số 12***(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-BKHĐT ngày 17/10/2018)  
(Áp dụng cho hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài và áp dụng cho chế độ báo cáo quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 72 Luật Đầu tư số 67/2014/QH13)*

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI CHO NĂM TÀI CHÍNH ...**

|  |  |
| --- | --- |
| **Kính gửi:** | - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Bộ Tài chính - Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp - ... *(tên cơ quan đại diện Việt Nam tại nước tiếp nhận đầu tư)* |

Nhà/các nhà đầu tư báo cáo về tình hình hoạt động của dự án đầu tư tại nước ngoài đến ngày/tháng/năm... như sau:

**I. NHÀ ĐẦU TƯ**

1. Tên nhà đầu tư thứ 1

2. Tên nhà đầu tư thứ 2

…

*[cách ghi xem hướng dẫn tại Điều 3 Thông tư]*

**II. THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI**

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài mã số:...; Ngày cấp: ...;

Điều chỉnh lần gần nhất: lần ...; Ngày điều chỉnh: ...;

Giấy phép/Văn bản chấp thuận đầu tư của nước tiếp nhận đầu tư hoặc tài liệu tương đương chính minh quyền đầu tư số:...; Ngày cấp:...; Cơ quan cấp:...

Hình thức đầu tư*: [nhà đầu tư lựa chọn hình thức đầu tư quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư 2014]*

Tên dự án/ tổ chức kinh tế ở nước ngoài:...

Địa chỉ trụ sở chính tại nước ngoài:...; Điện thoại:...: Fax:...; Email: ...

Vốn đầu tư ra nước ngoài của nhà/các nhà đầu tư là ... *(bằng số và bằng chữ)* đồng tiền thực hiện dự án, tương đương ... *(bằng số và bằng chữ)* đô la Mỹ.

**III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ Ở NƯỚC NGOÀI**

1. Tiến độ thực hiện dự án: *[mô tả đầy đủ hoạt động kinh doanh của dự án sau khi đi vào hoạt động chính thức/bắt đầu kinh doanh, so sánh với tiến độ thực hiện dự án quy định trong GCNĐK ĐTRNN]*

2. Tình hình thực hiện các mục tiêu quy định trong Giấy chứng nhận đầu tư *[nêu rõ đã thực hiện các mục tiêu hoạt động nào nếu dự án có nhiều hơn 1 mục tiêu hoạt động].*

3. Tình hình thực hiện vốn đầu tư ra nước ngoài

3.1. Tài khoản chuyển vốn bằng tiền mặt ra nước ngoài:

Số tài khoản: ...; Ngân hàng mở tài khoản: ...

3.2. Vốn chuyển ra nước ngoài:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Vốn chuyển ra nước ngoài  *(Đơn vị: đồng tiền thực hiện và quy đổi USD nếu đồng tiền thực hiện khác USD)* | Năm ...  *(năm cáp GCNĐK ĐTRNN)* | Năm ... *(năm tiếp theo, ghi lần lượt toàn bộ từng năm từ năm cấp GCNĐK ĐTRNN đến năm báo cáo) \*\** | Tổng |
| Bằng tiền mặt | … | … | … |
| Bằng máy móc thiết bị \* | … | … | … |
| Bằng hàng hóa, tài sản khác (ghi rõ) \* | … | … | … |
| Tổng | … | ... | ... |

*\* Trường hợp các dòng này vốn thực hiện bằng 0 thì có thể xóa dòng.*

*\*\* Trường hợp quá nhiều năm thì chỉ cần ghi các năm thực hiện chuyển vốn ra nước ngoài.*

3.3. Mục đích sử dụng vốn: *[nêu rõ vốn đã chuyển ra nước ngoài đã được sử dụng như thế nào, nhằm mục đích gì]*

4. Đánh giá kết quả đầu tư kinh doanh:

4.1. Ngày có báo cáo quyết toán thuế/văn bản có giá trị pháp lý tương đương của năm: ...

4.2. Đánh giá hiệu quả kinh tế và thực hiện nghĩa vụ tài chính:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Chỉ tiêu  *Đơn vị: đồng tiền thực hiện dự án* | Năm báo cáo:  *(theo năm tài chính VD: 1/7/2014 - 30/6/2015* | Lũy kế từ năm ... (năm dự án đi vào hoạt động) đến hết năm báo cáo |
| 1= 2+3  +… | Doanh thu |  |  |
| *2* | *Từ hoạt động/SP...* |  |  |
| *3* | *Từ hoạt động/SP...* |  |  |
| … | … |  |  |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế: |  |  |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế: |  |  |
| 6=7+8+9 | Lợi nhuận được chia của nhà ĐTVN  Trong đó: |  |  |
| *7* | *+ Sử dụng đầu tư tiếp ở nước ngoài*  *Ghi chú rõ phần lợi nhuận giữ lại đầu tư tiếp ở nước ngoài đã làm thủ tục điều chỉnh GCNĐK ĐTRNN* |  |  |
| *8* | *+ Chuyển về Việt Nam* |  |  |
| *9* | *+ Thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước Việt Nam (VND)* |  |  |

4.3. Giải trình về nghĩa vụ chuyển lợi nhuận về nước, thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước Việt Nam *[theo các quy định tại Điều 65, 66 Luật Đầu tư 2014]: ...*

5. Số lao động Việt Nam đưa ra nước ngoài thực hiện dự án tại thời điểm báo cáo: ...

6. Các vấn đề khác và đánh giá chung: *[các nội dung khác liên quan đến dự án mà nhà đầu tư muốn mô tả, VD: thực hiện an sinh xã hội ở nước tiếp nhận đầu tư...]*

**IV. KIẾN NGHỊ** (nếu có)

**V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT**

Chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác của nội dung báo cáo và tài liệu gửi kèm.

**VI. HỒ SƠ KÈM THEO:**

- Văn bản chấp thuận đầu tư của nước tiếp nhận đầu tư (bản sao, dịch có công chứng)

- Báo cáo quyết toán thuế/văn bản có giá trị pháp lý tương đương của năm...

|  |  |
| --- | --- |
|  | Làm tại ...., ngày ... tháng ... năm ... **Nhà đầu tư** Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có) |

**Mẫu số 7***(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-BKHĐT ngày 17/10/2018)  
(Văn bản của cơ quan thuế xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của nhà đầu tư theo quy định tại Khoản 3 Điều 58 Luật Đầu tư số 67/2014/QH13)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CƠ QUAN THUẾ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …………. | *Địa danh, ngày … tháng … năm …* |

**THÔNG BÁO**

*V/v xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của Công ty/Cá nhân ...*

Căn cứ đề nghị của Công ty/Cá nhân ... tại văn bản số ... ngày ... tháng ... năm ...;

Căn cứ số liệu về nghĩa vụ thuế của Công ty/Cá nhân ... do ... *(ghi tên cơ quan thuế)* theo dõi, quản lý;

... *(ghi tên cơ quan thuế)* xác nhận Công ty/Cá nhân ... đã hoàn thành nghĩa vụ thuế (không còn nợ đọng thuế quá hạn) theo kê khai đến ngày... tháng... năm ...

... *(ghi tên cơ quan thuế)* thông báo để Công ty/Cá nhân ... được biết./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu... | **LÃNH ĐẠO CÓ THẨM QUYỀN CỦA CƠ QUAN THUẾ** (*ghi rõ họ tên và chức danh, ký, đóng dấu)* |